

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2017/HNGĐ-ST
Ngày 19/9/2017
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phụng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Huỳnh Ngọc Anh

- Bà Hoàng Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Phương – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 176/2017/TLST–HNGĐ ngày 21/6/2017 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/8/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà K’N, sinh năm 1992; cư trú tại: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Ông Ka Să Ha H, sinh năm 1986; cư trú tại: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Ngân hàng C; Địa chỉ: Tòa nhà CC5, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Tổng giám đốc Ngân hàng C.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lã Xuân H – Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C. Theo văn bản ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 và số 28/QĐ-PGD ngày 20/02/2017.

Tại phiên tòa, bà N có mặt, ông H vắng mặt, ông Hải vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông H sống chung với nhau từ năm 2007, nhưng đến năm 2009 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không tổ chức lễ cưới hỏi, có thời gian tìm hiểu trước khi kết hôn khoảng 5 tháng. Quá trình vợ chồng chung sống không có hạnh phúc và thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H không chịu khó làm ăn, ăn nhậu say sưa, có lúc đánh đập bà, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Bà và ông H đã sống ly thân từ tháng 10/2015 cho đến nay. Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà không thể hòa giải đoàn tụ với ông H được, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Ka Să Ha H.

Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung tên K'Chi N, sinh ngày 27/02/2008 và K'Thiên H, sinh ngày 03/5/2013. Hiện nay, các con chung đang sống với bà, khi ly hôn bà yêu cầu được quyền nuôi cả 02 con chung và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi 01 con chung 2.000.000đ/tháng cho đến ngày con chung thành niên vì ông H có thu nhập hàng tháng từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2017 cho đến ngày con chung thành niên, phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Về tài sản chung: Bà và ông H tự thỏa thuận, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông H có nợ Ngân hàng C 20.000.000 đồng tiền gốc và lãi. Bà yêu cầu chia đôi số nợ, mỗi người có trách nhiệm trả ½, bà có trách nhiệm trả cho Ngân hàng 10.000.000 đồng tiền gốc và lãi, ông H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng 10.000.000 đồng tiền gốc và lãi theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Ý kiến của bị đơn ông Ka Să Ha H:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà N sống chung với nhau từ năm 2007, nhưng đến năm 2009 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không tổ chức lễ cưới hỏi, có thời gian tìm hiểu trước khi kết hôn 01 năm. Quá trình vợ chồng chung sống có hạnh phúc, đến khoảng ngày 01/01/2016 ông không biết nguyên nhân vì sao bà N lại bỏ nhà đi và mang theo 02 đứa con, nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng như bà N trình bày là không đúng, theo ông vợ chồng ông không có mâu thuẫn gì. Ông xác định ông vẫn còn tình cảm với vợ, ông không đồng ý ly hôn, ông có mong muốn đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Ông và bà N có 02 con chung như bà N trình bày là đúng. Nếu phải ly hôn thì ông không đồng ý giao cả 02 con cho bà N nuôi, ông không đồng ý cấp dưỡng nuôi 01 con chung 2.000.000 đồng/tháng như yêu cầu của bà N. Ông có yêu cầu được quyền nuôi con chung tên K'Chi N, sinh ngày 27/02/2008, giao con chung tên K'Thiên H, sinh ngày 03/5/2013 cho bà N nuôi dưỡng cho đến ngày các con chung thành niên, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông và bà N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà N có nợ Ngân hàng C 20.000.000 đồng tiền gốc và lãi. Ông đồng ý chia đôi số nợ, mỗi người có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$, ông có trách nhiệm trả cho Ngân hàng 10.000.000 đồng tiền gốc và lãi, bà N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng 10.000.000 đồng tiền gốc và lãi theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Ngân hàng C do ông Lã Xuân H làm người đại diện theo ủy quyền:

Ngày 25/9/2015 Phòng giao dịch Ngân hàng C đã giải ngân cho bà K'N và ông Ka Să Ha H vay số tiền 20.000.000 đồng theo sổ vay vốn số 1044021978 ngày 25/9/2015, lãi suất 0,687%/tháng, thời hạn cho vay 60 tháng, thời hạn trả nợ cuối ngày 06/9/2020, cho vay không có bảo đảm bằng tài sản và được cho vay thông qua Tổ tiết kiệm và vay vốn cùng Hội nông dân xã T bảo lãnh bằng tín chấp.

Phòng giao dịch Ngân hàng C đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ xử lý, buộc bà K'N và ông Ka Să Ha H phải trả nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng C số tiền gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh (tính đến ngày 03/8/2017) là 128.334 đồng, tổng cộng là 20.128.334 đồng.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán chấp hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng người tham gia tố tụng, tổng đạt các giấy tờ cho đương sự đúng theo quy định. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa chấp hành đầy đủ các quy định của luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N, xử cho bà N và ông H được ly hôn; Về con chung: Giao 02 con chung tên là K'Chi N và K'Thiên H cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng cho đến ngày con chung thành niên; Về cấp dưỡng: Buộc ông H phải cấp dưỡng nuôi K'Thiên Hà 2.000.000 đồng/tháng đến ngày con chung thành niên; Về tài sản chung: Bà N và ông H tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về nợ chung: Buộc bà N và ông H trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng C mỗi người $\frac{1}{2}$ theo quy định pháp luật.

Quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà N giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm có: 01 bản Giấy trích lục kết hôn (bản sao), 01 bản Giấy chứng minh nhân dân bà N (bản photo Thẩm phán đã đối chiếu với bản chính), 02 bản giấy khai sinh con chung tên K'Chi N và K'Thiên H (bản sao), 01 bản sổ hộ khẩu gia đình (bản sao), 01 bản bản tự khai của bà N; bị đơn ông H giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau: 01 bản Giấy chứng minh nhân dân ông H (bản photo Thẩm phán đã đối chiếu với bản chính); các tài liệu, chứng cứ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giao nộp cho Tòa án bao gồm: 01 bản Đơn khởi kiện ngày 03/8/2017 (bản chính), 01 bản Giấy đề nghị vay vốn ngày 24/9/2015 (bản sao), 01 bản Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ (bản chính), 01 bản Quyết định ủy quyền

số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 (bản sao) và số 28/QĐ-PGD ngày 20/02/2017 (bản chính); các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được gồm có: 02 bản Biên bản xác minh ngày 31/7/2017 (bản chính), 01 bản Bản tự khai của con chung tên K'Chi Na (bản chính).

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên họp ngày 08/8/2017 bà N và ông H có mặt, ông H vắng mặt có đơn xin vắng mặt, vì vậy Tòa án đã tiến hành phiên họp vắng mặt ông H và đã thông báo kết quả phiên họp cho ông H được biết. Tại phiên hòa giải ngày 18/8/2017, bà N có mặt, ông H vắng mặt không có lý do, ông H vắng mặt có đơn xin vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “Tranh chấp ly hôn” giữa nguyên đơn bà K’N với bị đơn ông Ka Să Ha H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam do ông Lã Xuân Hải làm người đại diện theo ủy quyền. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt đến lần thứ 02 dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Ngân hàng C do ông Lã Xuân H làm người đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là phù hợp.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông H là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 19/5/2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến giữa năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Bà N cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H không chịu khó làm ăn, hay ăn nhậu say sưa, có lúc đánh đập bà, vợ chồng thường xuyên cãi vã, bà và ông H đã sống ly thân từ tháng 10/2015 đến nay. Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với ông H được nữa, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông H. Còn ông H cho rằng vợ chồng ông chung sống hạnh phúc, đến khoảng ngày 01/01/2016 ông không biết vì nguyên nhân gì mà bà N bỏ nhà đi mang theo 02 đứa con, theo ông nguyên nhân mâu thuẫn như bà N trình bày là không đúng, vợ chồng ông không có mâu thuẫn gì, bà N yêu cầu ly hôn ông không đồng ý, ông có mong muốn đoàn tụ gia đình. Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của bà N và ông H, kết

quả xác minh cho thấy: Lúc mới kết hôn, vợ chồng bà N và ông H sống chung với gia đình bên vợ 01 năm, sau đó ra ở riêng được hơn 01 năm thì ông H hay ăn nhậu say sỉn về đánh đập bà N, gia đình hai bên đã gặp nhau để giải quyết mâu thuẫn giữa bà N và ông H nhưng chỉ được một thời gian ngắn ông H lại ăn nhậu say sỉn về đánh đập bà N. Vợ chồng bà N, ông H có mâu thuẫn hay không chính quyền địa phương không biết, tuy nhiên họ không làm gì gây mất trật tự tại địa phương, vào năm 2014 không biết vì lý do gì bà N bỏ nhà đi, khi đi bà N mang theo 02 con nhỏ, hiện nay bà N và ông H không còn sống chung với nhau nữa (Bút lục 21, 22). Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà N và ông H đã trầm trọng, kéo dài, ông H có mong muốn đoàn tụ gia đình nhưng ông không có thiện chí hoà giải cũng như biện pháp để giải quyết mâu thuẫn nên quan hệ hôn nhân của ông bà là không thể hàn gắn, ông bà đã sống ly thân từ tháng 10/2015 đến nay không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà N về việc ly hôn với ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà N và ông H có 02 con chung tên là K'Chi N, sinh ngày 27/02/2008 và K'Thiên H, sinh ngày 03/5/2013. Hiện nay các con chung đang sống với bà N. Bà N yêu cầu được quyền nuôi cả 02 con chung. Ông H không đồng ý giao cả 02 con chung cho bà N nuôi dưỡng, ông yêu cầu được quyền nuôi cháu Na, giao cháu Hà cho bà N nuôi dưỡng cho đến ngày các con chung thành niên. Xét thấy, các con chung đang sống chung với bà N, cháu Na có nguyện vọng ở với mẹ, còn cháu Hà còn nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ, do đó để đảm bảo cho các cháu có cuộc sống, học tập ổn định, cũng như điều kiện để các cháu phát triển mọi mặt nên giao 02 cháu cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: Bà N yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi 01 con chung tên H 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng từ tháng 10/2017 cho đến ngày con chung thành niên vì ông H làm thuê có thu nhập hàng tháng từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng và có thu nhập từ 03 sào đất trồng cà phê. Ông H yêu cầu mỗi người nuôi một cháu nên không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, ông H không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, ông H có nguồn thu nhập ổn định nên việc bà N yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi cháu H 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng từ tháng 10/2017 cho đến ngày con chung thành niên là phù hợp theo quy định tại Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung: Bà N và ông H tự thỏa thuận, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Bà N và ông H có nợ chung là khoản nợ Ngân hàng C 20.000.000 đồng tiền gốc và lãi. Ngân hàng C có đơn khởi kiện yêu cầu bà N và ông H có trách nhiệm thanh toán số nợ cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh (tính đến ngày 03/8/2017) là 128.334 đồng, tổng cộng là 20.138.334 đồng. Bà N và ông H thỏa thuận chia đôi số nợ, mỗi người có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$, bà N có trách nhiệm trả cho

Ngân hàng 10.000.000 đồng tiền gốc và lãi, ông H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng 10.000.000 đồng tiền gốc và lãi theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Xét thấy, bà N và ông H thừa nhận đây là nợ chung của vợ chồng và thỏa thuận trả nợ mỗi người $\frac{1}{2}$ là phù hợp, do đó buộc bà N trả cho Ngân hàng tiền nợ gốc 10.000.000 đồng và tiền nợ lãi tính đến ngày 03/8/2017 là 64.167 đồng, ông H trả cho Ngân hàng tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng và tiền nợ lãi tính đến ngày 03/8/2017 là 64.167 đồng.

Về án phí: Buộc bà N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc khởi kiện xin ly hôn và 503.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số nợ phải trả cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật. Buộc ông H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung và 503.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số nợ phải trả cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà K' N, xử cho bà K' N và ông Ka Să Ha H được ly hôn.

Về con chung: Giao 02 con chung tên K'Chi N, sinh ngày 27/02/2008 và K'Thiên H, sinh ngày 03/5/2013 cho bà K' N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày các con chung thành niên.

Về cấp dưỡng: Buộc ông H phải cấp dưỡng nuôi con chung tên K'Thiên Hà mỗi tháng 2.000.000 đồng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2017 cho đến ngày con chung thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của Ngân hàng C. Buộc bà N có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng C số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng, nợ lãi đến ngày 03/8/2017 là 64.167 đồng, tổng cộng 10.064.167 đồng và khoản lãi phát sinh nợ

gốc kể từ ngày 04/8/2017 theo Sổ vay vốn số 1044021978 ngày 25/9/2015 cho đến khi trả xong nợ.

Buộc ông Ka Să Ha H có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng C số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng, nợ lãi đến ngày 03/8/2017 là 64.167 đồng, tổng cộng 10.064.167 đồng và khoản lãi phát sinh nợ gốc kể từ ngày 04/8/2017 theo Sổ vay vốn số 1044021978 ngày 25/9/2015 cho đến khi trả xong nợ.

Về án phí: Bà K'N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc khởi kiện xin ly hôn và 503.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bà N đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2015/0006629 ngày 21/6/2017 được chuyển thu, bà K'N còn phải nộp tiếp 503.000 đồng.

Ông H phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 503.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bà N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông H, ông Hải vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã T, huyện Đ;
- Lưu AV, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phụng Diễm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Triệu Thị Hằng – Trương Văn Điều

Lê Thị Phụng Diễm

